



NHỮNG GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG TRONG QUAN HỆ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

TS. TRẦN NGỌC THƠ

Năm 2002, kinh tế nước ta vẫn duy trì được tốc độ cao hơn năm 2001. Tổng sản phẩm quốc nội tăng khoảng 7 phần trăm. Các nguồn lực đã được chú trọng huy động nên tổng vốn đầu tư xã hội đã tăng trưởng đáng kể, thu ngân sách vượt mức dự toán; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển biến tích cực; các chương trình xóa đói giảm nghèo đã đạt được các thành tựu bước đầu để hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế bền vững. Mặc dù vậy, kinh tế VN vẫn còn rất nhiều vấn đề tồn tại cần phải tìm ra những giải pháp đồng bộ để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong quá trình hội nhập.

Quan hệ giữa VN và các nước

1. VN – Mỹ:

Từ khi Hiệp định thương mại Việt – Mỹ (BTA) được ký kết và chính thức được Quốc hội hai nước thông qua ngày 28.11.2001, quan hệ thương mại giữa hai nước đã có phần cải thiện. Theo hiệp định này, VN có thể thâm nhập vào thị trường Mỹ và được hưởng quy chế tối huệ quốc với thuế suất đánh trên hàng VN xuất khẩu qua Mỹ sẽ được giảm từ mức bình quân từ 40% xuống còn 3% - 4%. Tuy nhiên, năm 2002 cùng với sự sụt giảm trong nhu cầu thế giới (do dư âm của cuộc khủng bố 11.9 và nền kinh tế thế giới vẫn chưa phục hồi như mong đợi), nền kinh tế Mỹ đang trên đà suy thoái, quan hệ xuất nhập khẩu giữa hai nước có những dấu hiệu không tốt. Đồng

thời trong thời gian qua, hiệp định thương mại Việt – Mỹ vẫn chưa phát huy tác dụng (khó khăn trong các vấn đề tranh cãi về lợi ích của đôi bên) nên đã làm cho quan hệ thương mại giữa hai nước xấu đi (đặc biệt là vụ kiện cá tra và cá ba sa). Hiện nay, chính phủ VN đang ra sức thúc đẩy BTA tiến triển nhanh chóng hơn nữa để góp phần cải thiện mối quan hệ xuất nhập khẩu với Mỹ, đồng thời cũng ban hành nhiều chính sách tích cực thu hút các nhà đầu tư Mỹ vào thị trường VN.

2. VN – Nhật Bản:

Trong quan hệ kinh tế, Nhật là đối tác quan trọng của VN trên các lĩnh vực như: thương mại, đầu tư và việc trợ ODA. Về thương mại, kim ngạch mậu dịch hai chiều không ngừng gia tăng, trong đó các mặt hàng chủ lực của VN xuất khẩu sang Nhật chủ yếu là các mặt hàng dệt may (27%), thủy hải sản, dầu thô, thủ công mỹ nghệ... Và VN nhập khẩu từ Nhật chủ yếu là các thiết bị máy móc (24%), hoá chất, máy móc cho giao thông vận tải...

Những tháng vừa qua của năm 2002, do kinh tế Nhật còn trong tình trạng suy thoái và tình hình kinh tế thế giới không mấy sáng sủa cho nên thương mại giữa VN – Nhật gặp nhiều khó khăn, một phần do các doanh nghiệp xuất khẩu của VN cho rằng thị trường Nhật là thị trường rất “khó tính” nên họ vẫn chưa thúc đẩy nhanh chóng việc khai thác thị trường này. Mặt khác, theo ông Yasuo

Yuasa – điều phối viên quốc tế của trung tâm Chiba: “Hiện nay hàng hoá của VN vẫn còn khá khiêm tốn so với nhu cầu thực tế thị trường Nhật và tiềm năng hàng hoá VN có thể vào Nhật”. Một số tác nhân chính làm cản trở hàng hoá VN vào Nhật là do hầu hết các doanh nghiệp VN đều thiếu thông tin về thị trường Nhật, không nắm nhu cầu về hàng hoá và thị hiếu người tiêu dùng Nhật, cũng như các quy định về quản lý về nhập khẩu của Nhật.

Theo đánh giá của các nhà đầu tư Nhật thì đầu tư vào VN có những lợi thế như: những cải thiện trong chính sách đầu tư nước ngoài, tỷ lệ lạm phát thấp, tình hình chính trị xã hội an toàn và ổn định, lực lượng lao động dồi dào (với chất lượng và giá thuê lao động, trình độ tiếp thu công nghệ hiện bằng Trung Quốc và cạnh tranh hơn so với các nước ASEAN). Những nỗ lực của VN trong việc cải thiện môi trường đầu tư và vị thế VN trong khu vực được nhiều nhà đầu tư Nhật đánh giá rất cao (chỉ sau Trung Quốc). Như vậy, để thu hút nhiều hơn nguồn vốn đầu tư từ Nhật thì chính phủ VN cần nhanh chóng triển khai tăng cường hợp tác trao đổi kinh tế thương mại với nhà đầu tư Nhật, đồng thời phải có kế hoạch hợp tác với Nhật trong đào tạo nguồn nhân lực, tìm hiểu học hỏi kinh nghiệm kinh doanh để thúc đẩy kinh doanh thương mại tốt hơn.

3. VN – châu Âu:

Trong thời gian vừa qua, quan hệ thương mại hai chiều giữa VN với các nước trong khu vực đồng euro ngày càng mở rộng. Kim ngạch xuất nhập khẩu luôn được gia tăng, đặc biệt là trong lĩnh vực dệt may – đây là mặt hàng xuất khẩu chủ lực sang châu Âu chiếm đến 35% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của VN. Trong quan hệ hợp tác đầu tư, năm 2000, các quốc gia châu Âu đã đầu tư 1,1 tỉ USD vào VN, chiếm 58% tổng số vốn đầu tư nước ngoài trong năm, tuy nhiên mức đầu tư này không tương xứng với tiềm năng của châu Âu - chiếm khoảng trên 12% tổng vốn đầu tư nước ngoài vào VN. Đối với viện trợ phát triển thì châu Âu là đối tác đứng thứ ba của VN (sau Nhật và WB), mức viện trợ của châu Âu dành cho nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó nông lâm ngư nghiệp chiếm tỷ trọng cao nhất, tiếp theo là viện trợ cho phát triển xã hội, sức khoẻ và

năng lượng ... Ngoài ra các quốc gia trong khu vực đồng euro cũng đã dành cho VN các ưu đãi về thuế quan phổ cập GSP, điều đó tạo thuận lợi cho xuất khẩu của VN vào thị trường này; ngân hàng đầu tư châu Âu (EIB) đã ký hiệp định khung với NHTW VN cho phép Ngân hàng đầu tư châu Âu mở rộng cho vay vốn đối với VN, tạo thuận lợi cho việc thúc đẩy quan hệ giữa hai bên. Theo các chuyên gia kinh tế thì trong giai đoạn 2001 – 2005 mối quan hệ giữa VN và châu Âu chủ yếu tập trung vào ba lĩnh vực sau: hỗ trợ cải cách, hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển con người để tiến đến nền kinh tế tri thức.

4. VN – Trung Quốc & ASEAN:

Các nhà lãnh đạo Trung Quốc và các quốc gia ASEAN đã ký hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện. Việc ký kết hiệp định này sẽ nâng cao năng lực thâm nhập thị trường Trung Quốc của doanh nghiệp VN. Trước đây, quan hệ thương mại VN với Trung Quốc chủ yếu liên quan đến hoạt động trao đổi hàng hoá, VN – Trung Quốc chỉ mới thống nhất cam kết dành cho nhau hưởng ưu đãi tối huệ quốc (MFN) về thuế quan. Nhưng với việc ký kết hiệp định khung, Trung Quốc đã ngay lập tức cho VN được hưởng đãi ngộ MFN theo các chuẩn mực của tổ chức WTO. Điều đó có nghĩa là mọi nghĩa vụ của Trung Quốc tại WTO liên quan đến việc cắt giảm thuế quan, các biện pháp phi thuế quan, dịch vụ, đầu tư và sở hữu trí tuệ sẽ dành cho các doanh nghiệp VN trên cơ sở không phân biệt đối xử. Điều này sẽ góp phần thúc đẩy thêm mối quan hệ thương mại giữa VN và Trung Quốc trong tương lai.

Sự kiện nổi bật nhất trong quan hệ VN – ASEAN là việc thực hiện các thỏa thuận AFTA, mặc dù việc thực hiện lộ trình AFTA mang lại rất nhiều lợi ích cho VN nhưng vẫn tồn tại những tác động tiêu cực của việc thực hiện lộ trình này, có thể khái quát như sau:

- VN là quốc gia có trình độ phát triển thấp, công nghệ lạc hậu, trình độ quản lý yếu, chất lượng hàng hóa thấp, giá thành cao nên không loại trừ khả năng hàng hóa trong nước sẽ bị đánh bại "ngay trên sân nhà".

- Việc đồng VN được đánh giá cao hơn so với các đồng tiền khác trong khu vực làm cho hàng hóa xuất khẩu của các

nước này sẽ có lợi thế trong cạnh tranh khi nhập khẩu vào VN.

- Thời kỳ đầu tuy chưa có tác động đến nguồn thu ngân sách nhưng về lâu dài thì giảm thuế nhập khẩu sẽ ảnh hưởng mạnh đến nguồn thu ngân sách.

- Nếu không tích cực cải thiện môi trường đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng thì vốn đầu tư chảy vào VN sẽ hạn chế và chuyển hướng sang các nước khác trong khu vực, sản phẩm đưa vào VN thông qua con đường xuất khẩu được hưởng thuế suất thấp theo quy định CEPT.

Giải pháp tăng trưởng kinh tế của VN

Trong bản báo cáo của mình, Ngân hàng thế giới (WB) đã cảnh báo rằng trong năm 2003, nền kinh tế VN sẽ phải đối mặt với ba thách thức lớn, đó là:

(1) Sự bất bình đẳng trong chênh lệch giàu nghèo và công bằng xã hội.

(2) Việc thực hiện lộ trình cam kết đối với các tổ chức quốc tế về vấn đề cải cách DNNN, cải cách thương mại...

(3) Hiệu quả của nguồn lực quốc gia (tình trạng thu chi ngân sách, tài sản nhà nước ...).

Để vượt qua những thách thức và tận dụng thời cơ nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế, theo chúng tôi, Chính phủ VN cần có những hành động một cách triệt để, toàn diện như:

- Quản lý kinh tế vĩ mô năm 2003 là thời điểm mà Chính phủ cần kiên quyết trong việc thực hiện chính sách tài khóa một cách triệt để giảm chi tiêu lãng phí, tránh những thất thoát lớn trong đầu tư xây dựng cơ bản. Trước mắt là thực hiện đồng bộ các nội dung trong cải cách ngân sách mà Quốc hội đã thông qua.

- Đa dạng hóa quan hệ kinh tế với các nước, chú trọng đến các mối quan hệ Việt – Mỹ, VN – EU, VN – Nhật Bản, VN – Trung Quốc & ASEAN. Việc đa dạng hóa này sẽ giúp tăng trưởng kinh tế VN không phụ thuộc vào bất kỳ một nền kinh tế nào nếu xảy ra các cú sốc. Điều này cũng sẽ hỗ trợ thêm cho việc tăng trưởng kinh tế của VN bền vững hơn.

- Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố cần phải tạo ra những chính sách hướng dẫn và hỗ trợ cho các doanh nghiệp tăng cường hiện đại hóa công nghệ, giảm chi phí sản xuất, tăng cường các kỹ năng về xúc tiến thương mại. Đây là những bước đi cần thiết để

giúp các doanh nghiệp VN đứng vững vào thời điểm thực hiện AFTA đầu năm 2003.

- NHNN cần phải mở rộng biên độ tỷ giá nhiều hơn nữa để làm tăng thêm tính cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trên thị trường các nước khu vực và thế giới. Chiếc áo tỷ giá với biên độ quá hẹp trong thời gian qua đã trở nên quá chật trước viễn cảnh tăng trưởng xuất khẩu và làm cản trở cho việc thực hiện một chính sách tài khóa – tiền tệ tự chủ.

- Chính phủ cần có những chủ trương nhất quán và mạnh mẽ để phát triển các lĩnh vực dịch vụ, đặc biệt là lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Việc thiếu vắng những công cụ trong dịch vụ tài chính – ngân hàng như các giao dịch kỳ hạn, hoán đổi (Swap), các quyền chọn (Option), các hợp đồng giao sau (Future) sẽ không hỗ trợ cho các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế nhằm giảm thiểu rủi ro.

- Năm 2003 phải là thời điểm mà Chính phủ cần phải thực hiện một cách quyết liệt lộ trình tái cấu trúc kinh tế với những giải pháp mạnh mẽ trong việc sắp xếp lại DNNN, tái cấu trúc hệ thống ngân hàng. Khẩn trương hợp nhất luật đầu tư trong nước và luật đầu tư trực tiếp nước ngoài thành luật đầu tư, tạo thành một sân chơi bình đẳng cho các thành phần kinh tế.

- Cuối cùng, một vấn đề không kém phần quan trọng là Chính phủ cần quan tâm đến các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác như: chính sách xóa đói giảm nghèo, các chính sách lao động để làm giảm tình trạng thất nghiệp, các vấn đề về cải thiện môi trường đầu tư để thu hút thêm nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài, vấn đề xã hội hóa giáo dục, y tế .v.v, cải tiến các thủ tục hành chính, pháp lý thông thoáng hơn ■

Bảng 1: Dự báo một số chỉ tiêu phát triển kinh tế VN giai đoạn 2003 – 2004

Chỉ tiêu	Năm 2003	Năm 2004
Tốc độ tăng trưởng GDP (%)	7% - 7,5%	8% - 8,4%
Tỷ lệ lạm phát (%)	4%	4,5%
Tốc độ tăng xuất khẩu (%)	12%	13%
Tốc độ tăng nhập khẩu (%)	15%	11%
Cân cán tài khoản vãng lai (tỉ USD)	- 1,1	- 0,9
Cân cán thương mại (tỉ USD)	- 0,8	- 0,6
GDP/người (USD)	490	#